

**SỞ Y TẾ THÁI BÌNH  
BỆNH VIỆN NHI**

Số: 1740/QĐ-BVN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thái Bình, ngày 01 tháng 12 năm 2023

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành giá dịch vụ tiêm chủng phòng bệnh  
tại Bệnh viện Nhi Thái Bình**

### **GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN NHI THÁI BÌNH**

*Căn cứ Quyết định số 2339/QĐ- UBND ngày 04/10/2007 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Bình về việc thành lập Bệnh viện Nhi Thái Bình;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm ngày 21/11/2007;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;*

*Căn cứ Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng; Thông tư số 34/2018/TT-BYT ngày 12/11/2018 của Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn Nghị định 104/2016/NĐ-CP quy định về hoạt động tiêm chủng; Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính về việc ban hành quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Thông tư 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính về việc ban hành quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ; Quyết định số 26/2021/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Thái Bình;*

*Căn cứ Quyết định số 1582/QĐ-UBND ngày 21/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2023 – 2025 cho các đơn vị sự nghiệp công trực thuộc Sở Y tế;*

*Căn cứ Nghị quyết họp tập thể Lãnh đạo Bệnh viện; Ban chỉ đạo; Ban điều phối hoạt động xã hội hóa Bệnh viện ngày 28/11/2023 về việc thông qua giá dịch vụ tiêm chủng phòng bệnh;*

*Theo đề nghị của các Ông (Bà): Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Tổ chức Cán bộ Bệnh viện Nhi Thái Bình,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt giá dịch vụ tiêm chủng phòng bệnh tại Bệnh viện Nhi Thái Bình theo Bảng giá kèm theo Quyết định này, bao gồm:

Bảng giá dịch vụ tiêm chủng phòng bệnh theo mũi tiêm/ liều dùng.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế các văn bản trước đây.

**Điều 3.** Trưởng Phòng Tài chính Kế toán; Tổ tiêm chủng; Trưởng các khoa, phòng khác trong Bệnh viện; Viên chức, người lao động trong Bệnh viện và các tập thể, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *[Signature]*

*Nơi nhận:*

- LĐBV;
- Như Điều 3;
- Lưu VT.

**GIÁM ĐỐC**  
  
*[Signature]*  
**Lương Đức Sơn**





SỞ Y TẾ THÁI BÌNH  
BỆNH VIỆN NHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## BẢNG GIÁ DỊCH VỤ TIÊM CHỦNG PHÒNG BỆNH THEO MŨI TIÊM/ LIỀU DÙNG

(Kèm theo Quyết định số 1710 /QĐ-BVN ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Bệnh viện Nhi Thái Bình)

Đơn vị tính: Đồng

| STT | Tên vắc xin;<br>huyết thanh            | Phòng bệnh             | Xuất xứ<br>hàng hóa | Tên hoạt chất/Nồng độ, hàm lượng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Đường<br>dùng | Giá dịch vụ |
|-----|----------------------------------------|------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-------------|
| 1   | Vắc xin uốn ván hấp phụ<br>(TT)        | Uốn ván                | Việt Nam            | Giải độc tố uốn ván tinh chất ; $\geq 40$ IU/0,5ml                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Tiêm bắp      | 63.400      |
| 2   | Vắc xin Prevenar 13; 0,5<br>ml Inj 1's | Các bệnh<br>do phế cầu | Anh                 | Mỗi bơm tiêm chứa một liều đơn 0.5ml có chứa:<br><ul style="list-style-type: none"> <li>- Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg;</li> <li>- Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg;</li> <li>- Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg;</li> <li>- Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg;</li> <li>- Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg;</li> <li>- Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phế cầu khuẩn 4,4 mcg;</li> <li>- Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg;</li> <li>- Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg;</li> <li>- Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg;</li> <li>- Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg;</li> <li>- Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg;</li> <li>- Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg;</li> <li>- Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg;</li> <li>- Cộng với Protein vận chuyển CRM197 32 mcg</li> </ul> | Tiêm bắp      | 1.126.000   |



| STT | Tên vắc xin;<br>huyết thanh                           | Phòng bệnh                                                         | Xuất xứ<br>hàng hóa | Tên hoạt chất/Nồng độ, hàm lượng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Đường<br>dùng         | Giá dịch vụ |
|-----|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-------------|
| 3   | Vắc xin Hexaxim (6 in1)                               | Bạch hầu,<br>ho gà,<br>uốn ván,<br>bại liệt,<br>Hib,<br>viêm gan B | Pháp                | Mỗi liều 0,5ml chứa:<br>- Giải độc tố bạch hầu: không dưới 20 IU;<br>- Giải độc tố uốn ván: không dưới 40 IU;<br>- Kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tố ho gà (PT) 25 mcg, Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA) 25mcg;<br>- Virus bại liệt (bất hoạt):<br>Týp 1 (Mahoney): 40 đơn vị kháng nguyên D,<br>Týp 2 (MEF-1): 8 đơn vị kháng nguyên D,<br>Týp 3 (Saukett): 32 đơn vị kháng nguyên D,<br>- Kháng nguyên bề mặt viêm gan B: 10mcg;<br>- Polysaccharide của Haemophilus influenzae týp b (Polyribosylribitol Phosphate) 12 mcg cộng hợp với protein uốn ván 22-36 mcg. | Tiêm bắp              | 913.000     |
| 4   | Huyết thanh kháng đại<br>tính chế (SAR)               | Bệnh đại                                                           | Việt Nam            | Kháng thể kháng vi rút đại 1.000 IU/5 ml                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Tiêm bắp              | 436.200     |
| 5   | Huyết thanh kháng độc<br>tổ uốn ván tinh chế<br>(SAT) | Uốn ván                                                            | Việt Nam            | Globulin kháng độc tố uốn ván 1,500IU/1ml                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Tiêm bắp              | 77.700      |
| 6   | Vắc xin Tetraxim (4 in1)                              | Bạch hầu,<br>ho gà,<br>uốn ván,<br>bại liệt                        | Pháp                | - Giải độc tố bạch hầu $\geq 30$ IU;<br>- Giải độc tố uốn ván $\geq 40$ IU;<br>- Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố (PTxd) 25 mcg và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA) 25 mcg;<br>- Virus bại liệt týp 1 bất hoạt 40 D.U; Virus bại liệt týp 2 bất hoạt 8 D.U;<br>- Virus bại liệt týp 3 bất hoạt 32 D.U. Hàm lượng '0,5ml                                                                                                                                                                                                                                       | Tiêm bắp              | 427.000     |
| 7   | Vắc xin M-M-R II; dung<br>dịch pha 0,5 ml 10's        | Sởi,<br>quai bị,<br>rubella                                        | Mỹ                  | - Virus sởi $\geq 1000$ CCID50;<br>- Virus quai bị $\geq 12500$ CCID50;<br>- Virus rubella $\geq 1000$ CCID50.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Tiêm bắp /<br>Dưới da | 228.800     |

| STT | Tên vắc xin;<br>huyết thanh                  | Phòng bệnh                                                        | Xuất xứ<br>hàng hóa | Tên hoạt chất/Nồng độ, hàm lượng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Đường<br>dùng    | Giá dịch vụ |
|-----|----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------|
| 8   | Vắc xin phòng bệnh lao<br>(BCG)              | Lao                                                               | Việt Nam            | BCG sống đông khô 0,5 mg                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Tiêm<br>trong da | 125.000     |
| 9   | Vắc xin Rotarix vial; 1,5<br>ml 1's          | Viêm dạ dày,<br>ruột do Rota<br>virus                             | Bỉ                  | Mỗi liều 1,5ml chứa: Rotavirus ở người sống giảm độc lực<br>chủng RIX4414 $\geq 10^{6.0}$ CCID <sub>50</sub>                                                                                                                                                                                                                                               | Uống             | 746.400     |
| 10  | Vắc xin Synflorix; Inj<br>0,5 ml 1 dose      | Phế cầu                                                           | Bỉ                  | Một liều (0,5ml) chứa 1 mcg polysaccharide của các týp huyết<br>thanh 1 <sup>1,2</sup> , 5 <sup>1,2</sup> , 6B <sup>1,2</sup> , 7F <sup>1,2</sup> , 9V <sup>1,2</sup> , 14 <sup>1,2</sup> , 23F <sup>1,2</sup> và 3 mcg của<br>các týp huyết thanh 4 <sup>1,2</sup> , 18C <sup>1,3</sup> , 19F <sup>1,4</sup>                                              | Tiêm bắp         | 878.600     |
| 11  | Vắc xin Havax 0,5ml                          | Viêm gan A                                                        | Việt Nam            | Mỗi liều 0,5ml chứa: Protein bao gồm kháng nguyên virus<br>viêm gan A tinh khiết <100µg/0,5ml ( liều 0,5ml)                                                                                                                                                                                                                                                | Tiêm bắp         | 144.100     |
| 12  | Vắc xin Gardasil; Inj 0,5<br>ml 1's          | Ung thư tử<br>cung và u<br>nhú bộ phận<br>sinh dục, sùi<br>mào gà | Mỹ                  | Vắc xin tái tổ hợp tứ giá phòng vi rút HPV ở người týp 6,<br>11,16,18. Mỗi liều 0,5ml chứa: 20 mcg protein L1 HPV6; 40<br>mcg protein L1 HPV11; 40 mcg protein L1 HPV 16; 20 mcg<br>protein L1 HPV18; liều '0,5 ml                                                                                                                                         | Tiêm bắp         | 1.558.300   |
| 13  | Vắc xin Rotateq; 2 ml<br>10's                | Rota virus                                                        | Mỹ                  | Mỗi 2ml dung dịch chứa:<br>- Rotavirus G1 human-bovine reassortant $\geq 2,2$ triệu IU;<br>- Rotavirus G2 human-bovine reassortant $\geq 2,8$ triệu IU;<br>- Rotavirus G3 human-bovine reassortant $\geq 2,2$ triệu IU;<br>- Rotavirus G4 human-bovine reassortant $\geq 2,0$ triệu IU;<br>- Rotavirus P1A(8) human-bovine reassortant $\geq 2,3$ triệu IU | Uống             | 581.000     |
| 14  | Vắc xin Varivax &<br>Diluent; Inj 0,5 ml 1's | Thủy đậu                                                          | Mỹ                  | Oka/Merck varicella virus, live, attenuated $\geq 1350$ PFU; liều<br>0,5 ml                                                                                                                                                                                                                                                                                | Tiêm<br>dưới da  | 767.100     |
| 15  | Vắc xin Heberbiovac<br>HB 1ml                | Viêm gan B                                                        | Cuba                | Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg (độ tinh khiết $\geq 95\%$ );<br>20 mcg/1 ml                                                                                                                                                                                                                                                                             | Tiêm bắp         | 115.400     |
| 16  | Vắc xin Heberbiovac<br>HB 0,5 ml             | Viêm gan B                                                        | Cuba                | Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg (độ tinh khiết $\geq 95\%$ );<br>10 mcg/0,5 ml                                                                                                                                                                                                                                                                           | Tiêm bắp         | 94.400      |



| STT | Tên vắc xin;<br>huyết thanh | Phòng bệnh                                  | Xuất xứ<br>hàng hóa | Tên hoạt chất/Nồng độ, hàm lượng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Đường<br>dùng | Giá dịch vụ |
|-----|-----------------------------|---------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-------------|
| 17  | Vắc xin Abhayrab 0,5 ml     | Bệnh dại                                    | Ấn độ               | Kháng nguyên tinh chế từ virus dại chủng L.pasteur 2061 Vero 15 passage, nuôi cấy trên trên tế bào vero $\geq 2.5$ IU/0,5 ml                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Tiêm bắp      | 213.500     |
| 18  | Vắc xin Rotavin-M1          | Rota virus                                  | Việt Nam            | Virus rota sống, giảm độc lực, typ G1P[8] $\geq 2.106$ FFU (hoặc PFU); Kháng sinh (Kanamycin sulfate) $\leq 10$ $\mu$ g/ml; Chất ổn định (đường sucrose): 35%; Chỉ thị màu đỏ: Đỏ phenol                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Uống          | 385.400     |
| 19  | Vắc xin IMOJEV              | Viêm não Nhật Bản                           | Thái Lan            | Virus viêm não Nhật Bản chủng SA14-14-2 tái tổ hợp, sống, giảm độc lực 4,0-5,8 log PFU (vắc xin virus viêm não Nhật Bản, khám Japanese Encephalitis Chimeric Virus(JE-CV) dựa trên Vắc xin sống vàng, chủng 17D (YF-17D) được tái cấu trúc di truyền chứa gen cấu trúc E và tiền màng từ vắc xin Viêm não Nhật Bản chủng SA14-14-12); liều 0,5 ml                                                                                                                        | Tiêm dưới da  | 607.100     |
| 20  | Vắc xin VA-MENGOC-BC        | Viêm màng não do não mô cầu nhóm B, C       | Cuba                | Protein màng ngoài tinh khiết vi khuẩn não mô cầu nhóm B; Polysaccharide vỏ vi khuẩn não mô cầu nhóm C; liều 0,5 ml                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Tiêm bắp      | 224.000     |
| 21  | Vắc xin Menactra            | Viêm màng não do não mô cầu nhóm A, C, Y, W | Mỹ                  | Mỗi liều 0,5ml chứa:<br>- Polysaccharide não mô cầu nhóm huyết thanh A đơn giá cộng hợp 4 $\mu$ g;<br>- Polysaccharide não mô cầu nhóm huyết thanh C đơn giá cộng hợp 4 $\mu$ g;<br>- Polysaccharide não mô cầu nhóm huyết thanh Y đơn giá cộng hợp 4 $\mu$ g;<br>- Polysaccharide não mô cầu nhóm huyết thanh W-135 đơn giá cộng hợp 4 $\mu$ g;<br>- Protein giải độc tổ bạch hầu 48 $\mu$ g (protein mang cộng hợp polysaccharide đối với tất cả các nhóm huyết thanh) | Tiêm bắp      | 1.098.700   |

| STT | Tên vắc xin;<br>huyết thanh               | Phòng bệnh                                                         | Xuất xứ<br>hàng hóa | Tên hoạt chất/Nồng độ, hàm lượng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Đường<br>dùng   | Giá dịch vụ |
|-----|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------|
| 22  | Vắc xin Infanrix Hexa<br>Vial; 0,5 ml 1's | Bạch hầu,<br>ho gà,<br>uốn ván,<br>bại liệt,<br>Hib,<br>viêm gan B | Bi                  | - Biện độc tố bạch hầu $\geq 30$ IU;<br>- Biện độc tố uốn ván $\geq 40$ IU;<br>- Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà (PT) 25 mcg và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA) 25 mcg và Pertactin (PRN) 8mcg;<br>- Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B (HBV) 10 mcg;<br>- Virus bại liệt týp 1 bất hoạt (chủng Mahoney) 40 DU;<br>- Virus bại liệt týp 2 bất hoạt (chủng MEF-1) 8 DU;<br>- Virus bại liệt týp 3 bất hoạt (chủng Saukett) 32 DU;<br>- Polysaccharide của Haemophilus influenza týp b 10 mcg<br>- Cộng hợp với 25 mcg giải độc tố uốn ván như protein chất mang (PRP-TT) | Tiêm bắp        | 912.700     |
| 23  | Vắc xin Varicella –<br>GCC Inj            | Thủy đậu                                                           | Hàn Quốc            | Vi rút hủy đậu sống giảm động lực $\geq 1.400$ PFU                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Tiêm dưới<br>da | 605.200     |
| 24  | Vắc xin Vaxigrip Tetra                    | Cúm mùa ở<br>trẻ $\geq 6$<br>tháng tuổi                            | Pháp                | Mỗi 0,5 ml vắc xin chứa:<br>- A/Brishane/02/2018 (H1N1) pdm09 - Sử dụng chủng tương đương (A/Brishane/02/2018, IVR-190) 15 micrograms HA<br>- A/South Australia/34/2019 (H3N2) – sử dụng chủng tương đương A/South Australia/34/2019, IVR-197) 15 micrograms HA<br>- B/Washington/02/2019 – sử dụng chủng tương đương (B/Washington/02/2019, chủng hoang dã) 15 micrograms HA<br>- B/Phuket/3073/2013 – sử dụng chủng tương đương (B/Phuket/3073/2013, chủng hoang dã) 15 micrograms HA                                                                                                                    | Tiêm dưới<br>da | 322.700     |
| 25  | Vắc xin GC-Flu                            | Cúm mùa ở<br>trẻ $\geq 6$<br>tháng tuổi                            | Hàn Quốc            | Mỗi liều đơn Vắc xin (0.5ml) chứa:<br>- Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm A H1N1 A/Guangdong-Maonan/SWL15 36/2019 CNIC-1909(H1N1)-15mcg;<br>- Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm A H3N2 A/Hong Kong/2671/2019 IVR-208(H3N2)-15mcg;<br>- Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm B                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Tiêm bắp        | 288.600     |

| STT | Tên vắc xin;<br>huyết thanh | Phòng bệnh                                                                     | Xuất xứ<br>hàng hóa | Tên hoạt chất/Nồng độ, hàm lượng                                                                                                                                                                                             | Đường<br>dùng | Giá dịch vụ |
|-----|-----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-------------|
|     |                             |                                                                                |                     | B/Washington/02/2019 -15mcg;<br>- Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm<br>B:B/Phuket/3073/2013 - 15mcg                                                                                                                 |               |             |
| 26  | Gardasil 9                  | Ung thư cổ tử<br>cung; Ung<br>thư âm hộ,<br>âm đạo; Ung<br>thư hậu<br>môn;.... | Mỹ                  | Mỗi liều 0,5 ml chứa:<br>- 30mcg protein L1 HPV tuýp 6;<br>- 40mcg protein L1 HPV tuýp 11;<br>- 60mcg protein L1 HPV tuýp 16;<br>- 40mcg protein L1 HPV tuýp 18;<br>- 20mcg protein L1 HPV cho mỗi tuýp 31, 33, 45, 52 và 58 | Tiêm bắp      | 2.621.200   |